

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 01 năm 2023 và 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Hạ N, sinh năm 1985; thường trú: 10/6 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B, có mặt ngày 16/01/2023, vắng mặt ngày 15/02/2023, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Tuyết H, sinh năm 1988; thường trú: 10/6 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B, có mặt ngày 16/01/2023, vắng mặt ngày 15/02/2023, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2022, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phan Hạ N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Hạ N và chị Phạm Thị Tuyết H tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình, có tổ chức đám cưới và đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56/KH, quyền số 01/2010 ngày 31/7/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại số nhà 10/6 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp và hạnh phúc không trọn vẹn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan niệm sống, sự hiểu biết, văn hóa ứng xử giao tiếp trong gia đình, bạn bè, xã hội khác nhau hoàn toàn giữa anh N với chị H, dẫn đến cả hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm không còn, anh N cảm thấy ngột ngạt, hay uống rượu, không có tinh thần làm ăn. Khi cuộc sống khó khăn anh N không có việc làm, anh muốn bán tài sản chung để trả nợ nhưng chị H không đồng ý nhưng cũng không đưa ra được phương án nào giúp anh N trả nợ. Ngoài ra, mặc dù danh nghĩa là vợ chồng nhưng đã từ lâu anh chị đã sống ly thân, mỗi người một phòng, không có quan hệ vợ chồng, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh Phan Hạ N và chị Phạm Thị Tuyết H có 02 người con chung tên là Phan Phạm Quỳnh A, sinh ngày 08/6/2011 và Phan Phạm Minh Đ, sinh ngày 21/8/2019. Anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Phạm Quỳnh A, sinh ngày 08/6/2011 và không yêu cầu chị Phạm Thị Tuyết H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A. Đối với cháu Phan Phạm Minh Đ, sinh ngày 21/8/2019 anh N đề nghị Tòa án giao cho chị Phạm Thị Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Minh Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình tố tụng và tại văn bản trình bày ý kiến ngày 13/02/2023, bị đơn chị Phạm Thị Tuyết H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tuyết H thống nhất với phần trình bày của anh Phan Hạ N về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn và nơi chung sống của vợ chồng sau khi kết hôn. Quá trình sống chung giữa anh N và chị H tính cách không hòa hợp nên anh N cảm thấy cuộc sống ngột ngạt, không khí gia đình lúc nào cũng u ám, mất vui, mất đoàn kết, rạn nứt và thường xuyên lạnh nhạt với chị. Từ tháng 02/2022 chị H và anh N ở cùng nhà nhưng sống ly thân, mỗi người một phòng riêng, ai cũng có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai đến nay, không có quan hệ vợ chồng. Chị H xác định hiện nay không còn tình cảm với anh N nhưng do thương các con chung, không muốn các con không có cha mẹ sống cùng nên chị H mới không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 16/01/2023, anh N vẫn nhất quyết ly hôn nên chị H nhận thấy nếu nín nhịn kéo thì cũng không có kết quả, con cái cũng không hạnh phúc. Do đó, trước yêu cầu ly hôn của anh N thì chị H đồng ý.

- Về con chung: Chị H và anh N có 02 người con chung tên là Phan Phạm Quỳnh A, sinh ngày 08/6/2011 và Phan Phạm Minh Đ, sinh ngày 21/8/2019. Chị H đồng ý giao cháu Phan Phạm Quỳnh A, sinh ngày 08/6/2011 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chị H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A. Đối với cháu Phan Phạm Minh Đ, sinh ngày 21/8/2019 chị H thống nhất với ý kiến của anh N, chị sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng và anh N có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi cháu Minh Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 01/11/2022 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa anh Phan Hạ N và chị Phạm Thị Tuyết H tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình và được cung cấp như sau: Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị H và anh N không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thì vấn đề mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung thì Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình không rõ vì không có thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 15/02/2023 nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa ngày 15/02/2023 nguyên đơn anh Phan Hạ N và bị đơn chị Phạm Thị Tuyết H vắng mặt và đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Hạ N và chị Phạm Thị Tuyết H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56/KH, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh B cấp ngày 31/7/2010 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh N xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và nguyên nhân là do quan niệm sống, sự hiểu biết, văn hóa ứng xử giao tiếp trong gia đình, bạn bè, xã hội khác nhau hoàn toàn giữa anh N với chị H. Khi cuộc sống khó khăn anh N không có việc làm, anh muốn bán tài sản chung để trả nợ nhưng chị H không đồng ý nhưng cũng

không đưa ra được phương án nào giúp anh N trả nợ. Ngoài ra, mặc dù danh nghĩa là vợ chồng nhưng đã từ lâu anh chị sống ly thân, mỗi người một phòng, không có quan hệ vợ chồng, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay anh N yêu cầu Toà án giải quyết cho anh N được ly hôn với chị H.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị H cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, có sự việc anh N muốn bán nhà để trả nợ nhưng chị không đồng ý dẫn đến hai vợ chồng mâu thuẫn. Đồng thời, tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 13/02/2023 chị H cung cấp chị H xác định không còn tình cảm sống anh N, chị và anh N sống ly thân từ tháng 02/2022 không ai quan tâm đến ai. Bản thân chị H không muốn ly hôn là vì các con chứ không phải là do chị H còn tình cảm với anh N. Nay anh N yêu cầu ly hôn thì chị H cũng đồng ý. Từ đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc thì có thể ảnh hưởng không tốt tới tâm lý con chung. Do đó, anh N yêu cầu được ly hôn với chị H là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Phan Phạm Quỳnh A, sinh ngày 08/6/2011 và Phan Phạm Minh Đ, sinh ngày 21/8/2019. Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét, anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và tự nguyện không yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Quỳnh A và chị H trình bày trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn thì chị cũng đồng ý giao cháu Quỳnh A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chị không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A. Do đó, yêu cầu của anh N về việc được trực tiếp nuôi cháu Quỳnh A và tự nguyện không yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu Phan Phạm Minh Đ, sinh ngày 21/8/2019, anh N yêu cầu Toà án giải quyết giao cháu Minh Đ cho chị Phạm Thị Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Minh Đ mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi cháu Minh Đ đủ 18 tuổi. Xét, hiện cháu Minh Đ còn nhỏ, cháu cần được duy trì cuộc sống có sự gần gũi, chăm sóc của mẹ. Bản thân chị H cũng đồng ý chị sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh Đ và đồng ý việc anh N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng để nuôi cháu Minh Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em khi ly hôn theo quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Phan Phạm Minh Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh Phan Hạ N

có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Minh Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Dương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Hạ N phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Hạ N về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn chị Phạm Thị Tuyết H.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Hạ N được ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết H (Giấy chứng nhận kết hôn số 56/KH, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh B cấp ngày 31/7/2010).

- Về con chung: Chị Phạm Thị Tuyết H giao con chung tên Phan Phạm Quỳnh A, sinh ngày 08/6/2011 cho anh Phan Hạ N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phan Hạ N không yêu cầu chị Phạm Thị Tuyết H cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Quỳnh A.

Anh Phan Hạ N giao con chung tên Phan Phạm Minh Đ, sinh ngày 21/8/2019 cho chị Phạm Thị Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phan Hạ N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Minh Đ mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực cho đến khi cháu Minh Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Phạm Thị Tuyết H có yêu cầu thi hành án, nếu anh Phan Hạ N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh Phan Hạ N còn phải trả cho chị Phạm Thị Tuyết H khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, anh Phan Hạ N và chị Phạm Thị Tuyết H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện

quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Hạ N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng vào số tiền tạm ứng án phí anh Phan Hạ N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000679 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Phan Hạ N còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Ủy ban nhân dân phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng